TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung
2. Ông Nguyễn Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2021/TLST- HNGĐ ngày 10/3/2021 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1991. (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ 8, khu phố T, phường P, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 7, khu phố P, phường M, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1988. (vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ 8, khu phố T, phường P, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện kết hôn năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 09/7/2012. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông T1 không lo làm ăn, cờ bạc, nợ nần, không quan tâm chăm sóc vợ con. Bà đã khuyên nhủ nhiều nhưng ông T1 không thay đổi, vì con bà cố gắng

tiếp tục chung sống với ông T1. Đến tháng 12 năm 2020, mâu thuẫn trầm trọng, bà đưa con ra ngoài ở. Ông T1 không một lần gọi điện hỏi thăm vợ con. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà và ông T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Thục Q, sinh ngày: 27/10/2014. Sau khi ly hôn, bà xin được nuôi con. Không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn T1 không đến tòa làm việc không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố Tụng dân sự.

Về nội dung: Xét có đủ căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị T khởi kiện ông Nguyễn Văn T1, có hộ khẩu thường trú khu phố T, phường P, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 mặc dù được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện kết hôn năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 09/7/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông T1 không lo làm ăn, cờ bạc, nợ nần, không quan tâm chăm sóc vợ con. Bà đã khuyên nhủ nhiều nhưng ông Trung không thay đổi, vì con bà cố gắng tiếp tục chung sống với ông

T1. Đến tháng 12 năm 2020, mâu thuẫn trầm trọng, bà đưa con ra ngoài ở. Ông T1 không một lần gọi điện hỏi thăm vợ con. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông T1.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cho ông T1 biết nhưng ông T1 không có ý kiến phản hồi. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông T1 không đến làm việc. Điều này thể hiện việc ông T1 không những không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng mà còn không tôn trọng cơ quan tiến hành tố tụng.

Từ những nhận định trên xét thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của bà T và ông T1 mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Thục Q, sinh ngày: 27/10/2014. Bà T xin được nuôi con. Xét thấy từ tháng 12/2020 ông T1, bà T ly thân, bà T đưa con về nhà ngoại trực tiếp nuôi dưỡng đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông T1 không đến làm việc, không thể hiện nguyện vọng muốn nuôi con. Do đó, theo yêu cầu của bà T xin được nuôi con là phù hợp nên giao cháu Nguyễn Trần Thục Q cho bà T nuôi đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Thục Q, sinh ngày: 27/10/2014 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Nguyễn Văn T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006326 ngày 03/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Bà Thanh đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc tống đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND tx. Phú Mỹ;
- Chi cục THADS tx. Phú Mỹ;
- UBND p. Phú Mỹ, Phú Mỹ, BR-VT
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Thị Thảo Nguyên